

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 06/3/2023
V/v: “Ly hôn, tranh chấp
chia tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Liên

Các Thẩm phán: - Bà Võ Bích Hải

- Bà Nguyễn Thị Trang Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2022/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2022/HNGĐ-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2023/QĐPT-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023; Thông báo số 22/2023/TB-TA ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Châu Minh Duy P**, sinh năm 1975. Địa chỉ: số 89A, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Có mặt)

Đại diện ủy quyền phần tài sản của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: 1973. Địa chỉ: số 00, đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 01/11/2022) (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà **Lý Mỹ C**, sinh năm 1988. Địa chỉ: số 89A, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên lạc hiện nay: S00, Vinhomes Grand Park, phường L, đường N, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

Đại diện ủy quyền phân tài sản của bị đơn: Ông **Hồ Ngọc T1**, sinh năm:1980. Địa chỉ: 00A, đường L, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Văn phòng Công chứng N.** Địa chỉ: số 00, đường N1, phường T, quận N, TP Cần Thơ (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- **Văn phòng Công chứng H.** Địa chỉ: số 00, đường N2, phường A, quận N, TP Cần Thơ (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Ông **Lê Long K**, sinh năm 1971. Địa chỉ: số 00, đường T, phường T, quận N, TP Cần Thơ (vắng mặt)

- Bà **Trần Tuyết N**, sinh năm:.../.. Địa chỉ: số 00, đường L, phường L, quận N, thành phố Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bà **Đỗ Châu Minh Thiên H**, sinh năm 1974. Địa chỉ: số 00, đường C, phường T, quận N, TP Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Ông **Đỗ Thanh T**, sinh năm 1950. Địa chỉ: số 00, đường N3, phường T, quận N, TP Cần Thơ (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **NH TMCP PV.** Địa chỉ: số 00, đường N3, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà **Lý Mỹ C**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 8 năm 2020 và trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Đỗ Châu Minh Duy P trình bày:

Ông và bà Lý Mỹ C qua mai mối nên đã tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/8/2012 tại UBND phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2016 cho đến nay thường xuyên xung đột, hôn nhân rạn nứt, mâu thuẫn về quan điểm sống, bà C không có sự tôn trọng chồng, thường xuyên có nhiều lời lẽ xúc phạm ông, mâu thuẫn về cách nuôi dạy con, việc chăm sóc, nuôi dạy con bà C không hề thực hiện, về sinh hoạt vợ chồng không hòa hợp....do vậy, ông xác định mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể cứu vãn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Bà C đã nhiều lần đề nghị được ly hôn (hơn 16 lần), các lần trên ông đều là người đứng ra hòa giải hàn gắn nhưng bà C đều không thay đổi. Cả hai đã sống ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Ông xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với bà Lý Mỹ C.

Về con chung: có 01 con chung là Đỗ Phúc Ng (nam) sinh ngày 08/8/2013, hiện nay con đang sống với ông, nay ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về nợ chung: không có.

Về tài sản chung: Các tài sản khác như bất động sản đã được chia, ông xác định hiện nay chỉ còn 01 Sổ tiết kiệm tại NH TMCP PV, số tài khoản: LD2015126453, số Seri: 2220144 ngày mở 30/5/2020 với số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (01 tỷ đồng) do bà Lý Mỹ C đang đứng tên, sổ tiết kiệm trên do ông đang cất giữ bản chính.

Ngày 18/3/2021, bị đơn bà Lý Mỹ C có đơn yêu cầu phản tố bổ sung nên nguyên đơn xin trình bày tự khai đầy đủ vào theo trình tự đơn phản tố bổ sung của bị đơn ghi ngày 18/3/2021 như sau:

- Nợ chung: Không có ý kiến

- Tài sản chung:

1. Đối với 02 (hai) căn nhà gắn liền trên đất tọa lạc: số 63, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ và số 89A, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Tài sản này được các bên tự nguyện lập thành văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng tại văn phòng Công chứng N ngày 24/07/2020 số vào công chứng: 5481, quyền số: 03/2020/TP/CC-SCC/TSVC, “trên cơ sở tự nguyện đúng ý chí vợ chồng và không trái pháp luật” (điều 3 thỏa thuận), bà Lý Mỹ C “đã đọc và đồng ý” (ký tên, trang 4 thỏa thuận), theo thỏa thuận ông Đỗ Châu Minh Duy P được toàn quyền đối với tài sản tọa lạc tại: số 63, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ và bà Lý Mỹ C được toàn quyền với tài sản tọa lạc tại: số 89A, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Sau đó ngày 17/8/2020 ông Đỗ Châu Minh Duy P đã đăng ký xác lập tài sản riêng và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, chiếu theo giấy chứng nhận số: CU 682534 thửa 14; tờ bản đồ: số 7, diện tích: 119,3m²; Mục đích sử dụng: Đất ở đô thị; tọa lạc: số 63, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Do đó, nay bà Lý Mỹ C nại ra để tiếp tục yêu cầu chia 02 căn nhà số 63, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ và số 89A, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ là hoàn toàn không có căn cứ.

2. Đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại: lô 3A, KĐT, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ. Tài sản này có nguồn gốc từ chị ruột của ông là bà: Đỗ Châu Minh Thiên H, sinh năm:1974, địa chỉ: số 00, đường C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ đã tặng riêng cho cá nhân ông thông qua “Hợp đồng tặng cho Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” lập tại văn phòng Công chứng Trần Mạnh H, lập ngày 04/03/2014, số công chứng: 291, quyền số: 01/2014/TP/CC-SCC/HĐGD.

Trên cơ sở hợp đồng tặng cho như đã trình bày giữa hai cá nhân với nhau, ông đã được Ủy ban nhân dân quận C chấp thuận cho đăng ký tài sản riêng tên cá nhân ông và cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Số giấy: BT 191369, sổ vào sổ cấp GCN:CH01126 ngày 03/04/2014; thửa số 772, tờ bản đồ số: 5, diện tích: 108m², loại đất: đất ở đô thị, tọa lạc tại: KDC Hưng Phú 1 (lô số 3A) KĐT, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Do đó, tài sản trên là tài sản riêng của ông và hoàn toàn không đúng theo đơn phản tố của bà Lý Mỹ C là “thực tế mua của chị: Đỗ Châu Minh Thiên H”. Cho nên bà Lý Mỹ C nại ra để được chia thì ông không đồng ý, bởi đây là tài sản riêng của cá nhân ông.

3. Đối với yêu cầu bị đơn mong muốn được chia $\frac{1}{2}$ giá trị sổ tiết kiệm trị giá 1.000.000.000 đồng hiện do bà Lý Mỹ C đứng tên tại NH TMCP PV. Ông chỉ thống nhất chia cho bị đơn bà Lý Mỹ C số tiền tương ứng với tỷ lệ 30% giá trị đối với khoản tiết kiệm và lãi phát sinh cho đến thời gian đóng sổ, bởi bà C hoàn toàn không có công sức đóng góp đối với giá trị tài sản này.

4. Đối với tài sản gồm những dụng cụ trang thiết bị y tế cho phòng “*Nha khoa N*” yêu cầu này của bà Lý Mỹ C là không có căn cứ do đây là tài sản riêng của gia đình ông bởi: Chiếu theo “*Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn*” số 33/2012, quyển số: 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường T chứng nhận giữa ông với bà C đăng ký kết hôn ngày 23/8/2012 trong khi “*Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh*” do phòng Tài chính - Kế hoạch quận N cấp cho gia đình ông đăng ký vào ngày 28/12/2009 (tức: tài sản này nếu có là được hình thành trước thời kỳ hôn nhân) cho nên đây không được coi là tài sản chung, ngoài ra ông đề nghị bà C có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

5. Đối với yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ giá trị sử dụng của đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, như: 02 máy lọc khí, nệm Kimdan, Bộ Sofa, tivi, ấm đun nước, ly chén... (theo danh sách liệt kê tại các đơn phản tố của bà C). Ông có ý kiến như sau: Toàn bộ tài sản này đã được mua sắm từ rất lâu, để phục vụ nhu cầu gia đình và có giá trị thấp hơn nhiều so với mức giá của bà C nại ra nếu có chứng cứ gì để chứng minh về giá mua, yêu cầu bà C cung cấp. Mặt khác, tài sản đã được đưa vào sử dụng tương ứng thời gian gần 10 năm nên giá trị còn lại đã được khấu hao. Nếu bà C có nhu cầu chia, ông yêu cầu Tòa án chia bằng hiện vật thay vì giá trị là không có căn cứ.

6. Yêu cầu chia tài sản gồm các thẻ và sổ tiết kiệm do ông (Đỗ Châu Minh Duy P) đứng tên hiện đang gửi tại các Ngân hàng là hoàn toàn không có căn cứ và

viễn tưởng, đề nghị bà Lý Mỹ C xuất trình chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình.

7. Đối với số tiền cọc 02 căn nhà số 63 và số 89A, đường V giá trị: 300.000.000 đồng yêu cầu này không rõ ràng, không có chứng cứ và không nhận thấy chứng cứ mà bà C cung cấp cho Tòa đối với yêu cầu của mình.

8. Đối với xe ô tô biển kiểm soát số 65A-00000 phương tiện này ông có được trước thời kỳ hôn nhân, chiếu theo Giấy đăng ký xe do Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 06/12/2011 trong khi ông đăng ký kết hôn ngày 23/8/2012 cho nên đây là tài sản của cá nhân của ông và ông không đồng ý theo yêu cầu của bà C (đính kèm bản photo: hóa đơn GTGT về việc mua xe ngày 07/11/2011, số hóa đơn: 001322 do Công ty Cổ phần Liên Á Quốc tế phát hành và Giấy chứng nhận đăng ký ô tô số: 001733 do Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 06/12/2011).

** Phía bị đơn bà Lý Mỹ C trình bày:*

Tại phiên hòa giải ngày 16/11/2020, bà Lý Mỹ C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà xác định do mai mối nên quen biết ông P, có tìm hiểu 03 tháng thì tiến tới hôn nhân, thời gian đầu sống hạnh phúc. Khoản 02 năm nay vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn giống như ông P trình bày, tuy nhiên bà xin trình bày nhìn nhận các lỗi lầm với ông P. Bà thừa nhận do tính trẻ con nên có nhiều lần có lời lẽ thiếu tôn trọng chồng như: mày tao.....cũng có mâu thuẫn về cách nuôi dạy con, bà thừa nhận chồng là người thường xuyên chăm sóc con. Vào ngày 05/10/2020 bà có đơn phản tố yêu cầu được đoàn tụ với ông P, yêu cầu được nuôi dạy con chung là Đỗ Phúc Ng (nam) sinh ngày 08/8/2013, yêu cầu chia đôi tài sản chung như đơn phản tố đã nêu. Tại phiên hòa giải, bà xin rút lại một phần yêu cầu phản tố, và có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Đỗ Châu Minh Duy P.

- Về con chung: Bà thống nhất giao con chung là Đỗ Phúc Ng (nam) sinh ngày 08/8/2013 cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về nợ chung: Thống nhất cả hai không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Các tài sản khác xin tự thỏa thuận. Hiện nay chỉ yêu cầu chia 01 sổ tiết kiệm tại NH TMCP PV, số tài khoản: LD2015126453, số Seri: 2220144 ngày mở 30/5/2020 với số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (01 tỷ đồng) do bà đang đứng tên, sổ tiết kiệm trên do ông P đang cất giữ bản chính. Bà xin được nhận 500.000.000 đồng, tương đương $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu của bà và đề nghị ông P tặng cho bà 500.000.000 đồng tương đương $\frac{1}{2}$ quyền sở hữu của ông P cho bà.

Bà chỉ đề nghị ghi nhận đối với tài sản là Sổ tiết kiệm tại NH TMCP PV, số tài khoản: LD2015126453, số Seri: 2220144 ngày mở 30/5/2020 với số tiền gốc là

1.000.000.000 đồng, đối với bất động sản bà không có yêu cầu nên không đồng ý ghi nhận như trình bày của ông P. Nếu hôm nay không hòa giải thành được thì bà vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố như đơn phản tố đã nộp ngày 05/10/2020.

Vào ngày 18 tháng 3 năm 2021 bị đơn Bà Lý Mỹ C làm đơn phản tố bổ sung gửi đến Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ yêu cầu giải quyết phản tố đối với yêu cầu khởi kiện ngày 18/08/2020 của ông Đỗ Châu Minh Duy P như sau:

Về tài sản chung, bà và ông Đỗ Châu Minh Duy P đăng ký kết hôn ngày 23/8/2012 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận N, thành phố Cần Thơ và tạo dựng những tài sản sau:

+ Nhà, đất tại: số 63, đường V, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BM 449151 (vào sổ cấp GCN: CH00373) do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày: 01/11/2012, được chỉnh lý ngày: 27/09/2016 và ngày 24/3/2017.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: số 89A, đường V, phường T, quận N, Thành phố Cần Thơ, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BX 813012 (vào sổ cấp GCN: CN 00569) do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 04/02/2015, được xác nhận chỉnh lý ngày 02/04/2015 và ngày 05/05/2015.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: Khu dân cư Hưng Phú (lô 3A) KĐT, phường P, quận C, Thành phố Cần Thơ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 826840 vào sổ số: CH 01044 được Ủy ban nhân dân quận C cấp ngày 27/2/2014 (Nhà này thực tế bà cùng ông P mua của chị Đỗ Châu Minh Thiên H - là chị ruột của ông P)

+ Sổ tiết kiệm 01 tỷ đồng mang tên bà đang gửi tại NH TMCP PV (00 đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ).

+ Tài sản gồm những dụng cụ trang thiết bị y tế cho phòng “Nha khoa N”:

1. Ghế nha khoa hiệu Sirona C8+ của Đức, mua tại công ty Việt Tiên với giá khoảng: 360.000.000 đồng.

2. Ghế nha khoa hiệu Maxpert của Hàn Quốc, mua tại công ty Dentech với giá khoảng: 300.000.000 đồng.

3. Máy chụp X-Quang cầm tay hiệu Nomad Pro 2 của Mỹ mua tại công ty Việt Đăng với giá khoảng: 65.000.000 đồng.

4. Máy nước cất hiệu Malag của Đức mua với giá khoảng 10.000.000 đồng.

5. Máy hấp dụng cụ hiệu Melag của Đức mua với giá khoảng 70.000.000 đồng.

6. Máy Lazer Picasso của Mỹ mua tại công ty nha khoa Thái Bình Dương với giá khoảng 80.000.000 đồng.

7. Máy nung sứ Zubler của Đức mua tại công ty nha khoa Thái Bình Dương với giá khoảng 120.000.000 đồng.

8. Máy Lazer Sirolazer Blue của Đức mua tại công ty Mebent với giá khoảng 300.000.000 đồng.

9. Máy cấy trụ Implant hiệu W&H của Áo mua với giá khoảng 110.000.000 đồng.

10. Máy phẫu thuật Piezomed hiệu W&H của Áo mua với giá khoảng 120.000.000 đồng.

11. Máy tra dầu tự động hiệu W&H của Áo mua với giá khoảng 80.000.000 đồng.

12. Máy rửa dụng cụ mua với giá khoảng 10.000.000 đồng.

13. 02 máy nội nha X-Smart Plus hãng Dentsplay (Mỹ) giá khoảng 60.000.000 đồng.

14. 02 máy nén khí Durr của Đức giá khoảng 50.000.000 đồng.

15. Máy lọc nước Kenger K8 của Nhật Bản giá khoảng 110.000.000 đồng.

16. 02 máy hút rời dùng trong nha khoa VS600 hiệu Durr của Đức giá khoảng 100.000.000 đồng.

17. Máy quét phim X-Quang Vista Scan Durr của Đức giá khoảng 85.000.000 đồng.

18. 02 đèn chiếu Blue Phase giá khoảng 30.000.000 đồng.

19. Máy ép túi dụng cụ Melag của Đức giá khoảng 10.000.000 đồng.

20. Đèn tẩy trắng răng hiệu Beyyond Polus giá khoảng 65.000.000 đồng.

21. Máy cạo vôi Pyon 2 hiệu W&H của Áo giá khoảng 40.000.000 đồng.

22. Máy định vị chóp răng Propex II (Dentsply) giá khoảng 25.000.000 đồng.

Tổng cộng: 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng)

+ Tài sản là dụng cụ sinh hoạt gia đình gồm:

1. 02 máy lọc không khí giá khoảng 24.000.000 đồng

2. 04 nệm Kyndan giá khoảng 120.000.000 đồng

3. Bộ sofa Kyndan giá khoảng 80.000.000 đồng

4. 03 tivi hiệu Samsung giá khoảng 60.000.000 đồng

5. Ấm đun nước hiệu Kormax giá khoảng 2.600.000 đồng

6. Bộ muỗng đĩa hiệu Kormax giá khoảng 20.000.000 đồng

7. Bộ nồi hiệu Kormax giá khoảng 4.000.000 đồng

Tổng cộng: 310.000.000 đồng

+ Tiền cọc căn nhà số 63, đường V và căn nhà số 89A, đường V (giá trị 300.000.000 đồng).

+ Tài sản gồm các thẻ và sổ tiết kiệm:

Các thẻ và sổ tiết kiệm của ông Đỗ Châu Minh Duy P gửi tại các ngân hàng: Vietcombank, KienLongbank, Nam Á bank, TP bank và một số ngân hàng khác tại Cần Thơ do ông P giấu bà và bà đề nghị Tòa án xác minh làm rõ.

+ Xe hơi hiệu Audi của Đức biên số 65A-01233.

Bà yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận văn bản phân chia vợ chồng ngày 24/07/2020 và đưa toàn bộ tài sản chung vào chia theo quy định của pháp luật tạm tính ba căn nhà là 21 tỷ đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng N trình bày:

Văn phòng Công chứng N, thành phố Cần Thơ có nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án (bổ sung) số 440/TBTL-HN ngày 19 tháng 03 năm 2021 Tòa án nhân dân quận N thành phố Cần Thơ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” theo đơn phản tố bổ sung của bà Lý Mỹ C.

Qua xem xét lại toàn bộ hồ sơ công chứng thực hiện được lưu trữ tại Văn phòng Công chứng N thành phố Cần Thơ như sau:

Ngày 24 tháng 07 năm 2020 Công chứng viên có nhận được yêu cầu công chứng loại việc là văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng ông Đỗ Châu Minh Duy P và bà Lý Mỹ C. Tài sản phân chia là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 63, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần thơ. Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 449151 (Số vào sổ cấp GCN: CH00373) do Ủy ban nhân dân quận N thành phố Cần Thơ cấp ngày 01/11/2012, xác nhận chỉnh lý ngày 27/09/2016 và ngày 24/03/2017.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 89A, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 813012 (Số vào sổ cấp GCN: CH00569) do Ủy ban nhân dân quận N thành phố Cần Thơ cấp ngày 04/02/2015, xác nhận chỉnh lý ngày 02/04/2015 và ngày 05/05/2015.

Công chứng viên thụ lý hồ sơ, tiến hành chứng nhận và phát hành văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng số 5481, quyền số 03/2020/TP/CC-SCC/TSVC chứng nhận ngày 24/7/2020.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết hồ sơ, các bên đã xuất trình bản chính các giấy tờ theo quy định tại Điều 40, 41 Luật Công chứng năm 2014. Công chứng

viên đã kiểm tra, đối chiếu và tuân thủ đúng, đầy đủ bản sao các giấy tờ mà Công chứng viên đã đối chiếu từ bản chính:

- Chứng minh nhân dân của bà Lý Mỹ C và Đỗ Châu Minh Duy P
- Hộ khẩu của bà Lý Mỹ C và Đỗ Châu Minh Duy P
- Giấy chứng nhận kết hôn
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 449151 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 813012.

Và bản chính gồm:

Phiếu yêu cầu công chứng ghi thông tin cá nhân và nội dung yêu cầu công chứng là văn bản thỏa thuận tài sản vợ chồng;

Thông báo giải chấp ngày 2/4/2019 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ;

Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng;

Trên cơ sở yêu cầu công chứng của bà Lý Mỹ C và ông Đỗ Châu Minh Duy P thì sau khi Công chứng viên đã kiểm tra nhân thân, xác định chủ thể tham gia giao dịch, kiểm tra giấy chứng nhận, kiểm tra trên hệ thống sưu tra, đối chiếu giấy tờ do các bên cung cấp và tại thời điểm công chứng không nhận bất kỳ công văn ngăn chặn hoặc khiếu nại nào. Công chứng viên Ung Thị Như Q đã chứng nhận văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng nêu trên đúng quy định pháp luật.

Chúng tôi nhận định rằng: Công chứng viên đã giải thích cho các bên nghe về quyền – nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp và hậu quả pháp lý của việc công chứng văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng. Các bên đã nghe, hiểu, đọc lại toàn bộ nội dung văn bản và đã đồng ý ký tên vào văn bản trước mặt Công chứng viên theo đúng trình tự quy định pháp luật. Việc giao - nhận giấy tờ liên quan, giải quyết quyền – nghĩa vụ do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngoài văn bản thỏa thuận chia tài sản chung vợ chồng nêu trên, Công chứng viên Ung Thị Như Q không ký, chứng nhận bất kỳ văn bản nào khác.

Nay, Văn phòng Công chứng N thành phố Cần Thơ gửi bản tự khai để Tòa án nhân dân quận N xem xét giải quyết.

Đề nghị quý Tòa căn cứ bản khai này làm cơ sở giải quyết vụ kiện cho phép Văn phòng Công chứng N vắng mặt trong các buổi hòa giải và quá trình xét xử của Tòa án.

Trên đây là bản tự khai của Văn phòng, kính đề nghị Tòa án nhân dân quận N thành phố Cần Thơ xem xét.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Văn phòng Công chứng H trình bày:

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 Văn phòng Công chứng H nhận được thông báo số 440/TTST-HN về việc nộp văn bản ghi nhận ý kiến của “*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*”. Nay văn phòng Công chứng có ý kiến như sau:

Đối với tài sản là xe ô tô biển kiểm soát: 65A-00000 được các bên ký hợp đồng mua bán xe ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại Văn phòng Công chứng H, tại thời điểm ký kết, sau khi kiểm tra giấy tờ đăng ký xe, xe được đăng ký lần đầu là 06/12/2011, thời điểm kết hôn giữa ông Đỗ Châu Minh Duy P và bà Lý Mỹ C là 23/8/2012. Do đó tài sản này có trước thời điểm ông P và bà C kết hôn, việc ông P bán xe ô tô là hoàn toàn phù hợp pháp luật tài sản hôn nhân gia đình. Việc ông P và bà C có thỏa thuận nào khác về chiếc xe nêu trên là việc nằm ngoài thẩm quyền của Văn phòng công chứng. Do đó, trong phiên toà các bên có quyền thỏa thuận tài sản này.

Trên đây là văn bản ghi nhận ý kiến của Văn phòng Công chứng H, kính chuyển Tòa án nhân dân quận N xem xét. Ngày 06/7/2022 VPCC H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Châu Minh Thiên H trình bày:

Bà làm văn bản này kính gửi đến Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ, để tường trình toàn bộ diễn biến sự việc có liên quan đến quá trình dịch chuyển tài sản hợp pháp của bà là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 772, tờ bản đồ số: 5, diện tích: 108m² mục đích sử dụng: đất đô thị, tọa lạc: KDC, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Ngày 27/02/2014 bà được Ủy ban nhân dân quận C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thông tin như đã trình trên theo giấy: BQ 826840, sổ vào sổ cấp GCN: CH01044.

Ngày 04/03/2014 bà đã tự nguyện lấy tài sản của mình tặng cho riêng cá nhân em Đỗ Châu Minh Duy P, sinh năm 1975 (P là em ruột bà) giao dịch này đã thể hiện rõ ý chí của bà là tặng cho cá nhân em P chứ không cho bất cứ ai khác đồng sở hữu đối với tài sản này, hợp đồng này chỉ có hai cá nhân bà và ông P thực hiện.

Cho nên, được biết sau này em Đỗ Châu Minh Duy P dựa trên hợp đồng đã liên hệ với cơ quan Nhà nước để được đăng ký tài sản tại Ủy ban nhân dân quận C và bà Lý Mỹ C nảy sinh lòng tham vào tham gia tranh chấp và cho rằng: “*Tài sản như đã tường trình do bà bán cho ông P và bà C*” là hoàn toàn bịa đặt không có căn cứ.

Bằng văn bản này bà khẳng định rằng bà chỉ tặng cho tài sản duy nhất đối với ông Đỗ Châu Minh Duy P, chứ không cho bà Lý Mỹ C.

Trên đây là nội dung tường trình và bà cam kết chịu trách nhiệm đối với tính trung thực của mình.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Tuyết N trình bày

Là người có nghĩa vụ liên quan trong vụ “Hôn nhân” theo hồ sơ thụ lý số 440/2020/TLST-HN ngày 01/09/2020, thụ lý bổ sung ngày 08/10/2020 và ngày 19/03/2021 của Tòa án nhân dân quận N – đối với tranh chấp giữa nguyên đơn ông Đỗ Châu Minh Duy P với bị đơn bà Lý Mỹ C.

Vụ án đang được Tòa án nhân dân quận N thụ lý để giải quyết nay bà có ý kiến như sau:

Trước đây bà với nguyên đơn ông Đỗ Châu Minh Duy P có ký hợp đồng về việc mua bán xe ô tô, theo đó bà là bên mua và ông P là bên bán, đối với xe ô tô biển kiểm soát 65A-00000 chiếu theo Giấy đăng ký xe do Công an thành phố Cần Thơ cấp ngày 06/12/2011; màu sơn: Trắng, sản xuất năm: 2011; nhãn hiệu: Audi; đứng tên giấy tờ: ông Đỗ Châu Minh Duy P với giá 420.000.000 đồng.

Trong quá trình bà mua tài sản và tìm hiểu thì được biết cá nhân ông P được toàn quyền định đoạt đối với tài sản này, bởi vì ông P với bà C đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền vào ngày 23/08/2012 (tức: tài sản có trước hôn nhân), do đó đối tượng giao dịch là xe ô tô như đã trình bày là không có liên quan đến bà Lý Mỹ C, theo như yêu cầu của bà C nài đơn ra Tòa.

Vì vậy, thực hiện giao dịch giữa bà với cá nhân ông P là hoàn toàn phù hợp với các quy định pháp luật, mặt khác được biết giữa bà C và ông P không có thỏa thuận nào khác đối với tài sản này.

Do điều kiện thời gian không cho phép, cho nên bà đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà xuyên suốt quá trình tố tụng và bác yêu cầu phản tố có liên quan đến giao dịch mua bán giữa bà và ông P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Long K và NH TMCP PV vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn, bị đơn thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2022/HNGĐ-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân quận N đã quyết định:

1. Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn ông Đỗ Châu Minh Duy P và bị đơn bà Lý Mỹ C.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Đỗ Phúc Ng (nam) sinh ngày 08/8/2013 cho ông Đỗ Châu Minh Duy P trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn bà Lý Mỹ C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền

thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Lý Mỹ C không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên cũng có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Công nhận thẻ tiết kiệm, số tài khoản: LD2015126453, số Seri: 2220144 mở ngày 30/5/2020 với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh tại NH TMCP PV là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Đỗ Châu Minh Duy P và bà Lý Mỹ C. Ông P và bà C mỗi người được sở hữu $\frac{1}{2}$ số tiền gốc và lãi phát tại thời điểm thi hành án hoặc tại thời điểm ông P, bà C cùng tất toán thẻ tiết kiệm số tài khoản: LD2015126453, số Seri: 2220144 mở ngày 30/5/2020 tại NH TMCP PV – địa chỉ: số 00 đường H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Ghi nhận việc ông Đỗ Châu Minh Duy P đồng ý giao lại cho bà Lý Mỹ C số tiền 150.000.000 đồng – tiền đặt cọc cho thuê căn nhà số 89A đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Bà C nhận số tiền 150.000.000 đồng từ ông P thì bà C phải có trách nhiệm đối với phần tiền đặt cọc theo Hợp đồng thuê nhà ký ngày 04/11/2016 tại VPCC N, số công chứng 752, quyển số 04/2016/TP/CC-SCC/HĐGD với ông Lê Chí T.

- Ghi nhận sự thống nhất của ông Đỗ Châu Minh Duy P về việc tự nguyện giao lại các vật dụng sinh hoạt gia đình và vật dụng cá nhân của bà Lý Mỹ C. Ông P có trách nhiệm tạo điều kiện cho bà C được di dời các vật dụng này.

4. Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lý Mỹ C đối với nguyên đơn ông Đỗ Châu Minh Duy P về việc:

- Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị những dụng cụ trang thiết bị y tế cho phòng “Nha khoa N”.

- Yêu cầu chia đôi xe ô tô Audi biển số 65A - 00000.

- Yêu cầu chia đôi giá trị các vật dụng sinh hoạt gia đình.

- Yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

- Yêu cầu chia đôi giá trị 02 căn nhà số 89A và số 63, đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất tọa lạc tại thửa đất số 772, tờ bản đồ số 00 KDC, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ theo GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 191369 (số vào sổ cấp GCN: CH01126) cấp ngày 03/4/2014.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, giám định chữ ký, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28 tháng 7 năm 2022 bị đơn bà Lý Mỹ C có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án của cấp sơ thẩm, lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh những chứng cứ quan trọng, không xác minh các tài khoản của nguyên đơn tại các ngân hàng, không xác minh làm rõ thu nhập, doanh thu của Nha khoa N, lấy lời khai của cháu Đỗ Phúc Ng không có người đại diện cũng như người giám hộ. Không đồng ý việc Tòa cấp sơ thẩm bác quyền tài sản chung của bị đơn trong khối tài sản phát sinh hoa lợi từ nhà đất tại KDC và cơ sở Nha khoa N. Không chấp nhận việc buộc bị đơn phải nộp chi phí giám định nhưng không cấp biên lai, hóa đơn .

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Bị đơn bà C và người đại diện ủy quyền về phần tài sản của bị đơn (ông Hồ Ngọc T1) đã thay đổi yêu cầu kháng cáo như sau: Bị đơn yêu cầu được sở hữu toàn bộ sổ tiết kiệm, số tài khoản: LD2015126453, số Seri: 2220144 mở ngày 30/5/2020 với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh tại NH TMCP PV (đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông P và bà C, nhưng nay bà C yêu cầu ông P tặng lại cho bà ½ số tiền mà ông P được hưởng). Đối với các yêu cầu trong đơn kháng cáo ngày 28 tháng 7 năm 2022 của bà C thì bị đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu, cũng như rút lại các yêu cầu kháng cáo khác đã nêu tại phiên tòa phúc thẩm; và bị đơn đồng ý với các phần khác mà bản án sơ thẩm đã tuyên; bị đơn cũng rút lại yêu cầu tranh chấp đối với số nữ trang và dụng cụ thể dục mà bị đơn đã nêu tại đơn phản tố ngày 01/10/2020. Bị đơn đồng ý việc thuận tình ly hôn với nguyên đơn, đồng ý giao con chung là cháu Phúc Ng cho ông P trực tiếp nuôi con, bị đơn không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Nguyên đơn ông P và người đại diện ủy quyền về phần tài sản của bị đơn (ông Nguyễn Văn Đ) đã đồng ý việc để cho bà C được quyền sở hữu toàn bộ sổ tiết kiệm, số tài khoản: LD2015126453, số Seri: 2220144 mở ngày 30/5/2020 với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh tại NH TMCP PV (là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông P và bà C); và nguyên đơn đồng ý với việc rút lại toàn bộ các yêu cầu kháng cáo, yêu cầu tranh chấp nêu trên của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn kháng cáo trong hạn luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

- Về nội dung: Việc nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận được với nhau về phần tài sản là sổ tiết kiệm với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh

tại NH TMCP PV (là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân), nay ông bà thống nhất giao cho bà C được toàn quyền sở hữu, việc thỏa thuận này là không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; đối với các yêu cầu kháng cáo khác nay bị đơn đã rút toàn bộ và được nguyên đơn đồng ý, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ các yêu cầu kháng cáo này của bị đơn. Những vấn đề khác của bản án sơ thẩm hai bên không đề cập nên có hiệu lực.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: sửa một phần bản án sơ thẩm đối với phần liên quan tài sản là sổ tiết kiệm nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan VPCC N, VPCC H, bà Trần Tuyết N, bà Đỗ Châu Minh Thiên H, ông Đỗ Thanh T có yêu cầu giải quyết vắng mặt; đối với ông Lê Long K và NH TMCP PV đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

[2] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bị đơn nhận thấy:

Bị đơn bà Lý Mỹ C có đơn kháng cáo ngày 28 tháng 7 năm 2022 yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do: Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh những chứng cứ quan trọng, không xác minh các tài khoản của nguyên đơn tại các ngân hàng, không xác minh làm rõ thu nhập, doanh thu của Nha khoa N, lấy lời khai của cháu Đỗ Phúc Ng không có người đại diện cũng như người giám hộ. Không đồng ý việc Tòa cấp sơ thẩm bác quyền tài sản chung của bị đơn trong khối tài sản phát sinh hoa lợi từ nhà đất tại khu dân cư Hưng Phú 1 và cơ sở Nha khoa N. Không chấp nhận việc buộc bị đơn phải nộp chi phí giám định nhưng không cấp biên lai, hóa đơn .

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà C và người đại diện ủy quyền về phần tài sản của bị đơn (ông Hồ Ngọc T1) đã thay đổi yêu cầu kháng cáo cụ thể như sau: Bị đơn yêu cầu được sở hữu toàn bộ sổ tiết kiệm tài khoản: LD2015126453, số Seri: 2220144 mở ngày 30/5/2020 với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh tại NH TMCP PV (là tài sản chung của vợ

chồng trong thời kỳ hôn nhân). Đối với các yêu cầu trong đơn kháng cáo ngày 28 tháng 7 năm 2022 của bà C thì bị đơn xin rút lại toàn bộ, cũng như rút lại các yêu cầu kháng cáo khác tại phiên tòa phúc thẩm, và bị đơn đồng ý với các phần khác mà bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận N đã tuyên; bị đơn xin rút lại yêu cầu tranh chấp đối với số nữ trang và dụng cụ thể dục mà bị đơn đã nêu tại đơn phản tố ngày 01/10/2020; bị đơn đồng ý việc thuận tình ly hôn với nguyên đơn, đồng ý giao con chung là cháu Đỗ Phúc Ng cho ông P trực tiếp nuôi con, bà C không cấp dưỡng nuôi con chung mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

Về phía bị đơn ông P và người đại diện ủy quyền về phần tài sản của bị đơn (ông Nguyễn Văn Đ) tại phiên tòa phúc thẩm đã đồng ý giao lại cho bà C được toàn quyền sở hữu số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh tại NH TMCP PV đã nêu trên; và nguyên đơn đồng ý với việc bị đơn rút lại toàn bộ các yêu cầu kháng cáo ngày 28 tháng 7 năm 2022 cũng như các yêu cầu kháng cáo khác tại phiên tòa phúc thẩm, yêu cầu tranh chấp đối với số nữ trang và dụng cụ thể dục mà tại đơn phản tố ngày 01/10/2020 bị đơn đã nêu.

Xét thấy, giữa ông P và bà C đã thỏa thuận được với nhau về việc bà C được toàn quyền sở hữu số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và lãi phát sinh tại NH TMCP PV (là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân) nêu trên, việc thỏa thuận này của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Xét việc bà C tự nguyện rút lại toàn bộ các yêu cầu trong đơn kháng cáo ngày 28 tháng 7 năm 2022, và rút lại yêu cầu tranh chấp đối với số nữ trang và dụng cụ thể dục mà bị đơn đã nêu tại đơn phản tố ngày 01/10/2020, cũng như rút lại các yêu cầu kháng cáo khác tại phiên tòa phúc thẩm. Xét việc bà C rút lại các yêu cầu kháng cáo này đã được ông P đồng ý, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ toàn bộ các yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

Việc bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm xác định là không còn yêu cầu tranh chấp đối với số nữ trang và dụng cụ thể dục mà bị đơn đã nêu tại đơn phản tố ngày 01/10/2020 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Đối với các phần phân chia tài sản chung, các phần ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn trong bản án sơ thẩm, các yêu cầu phản tố của bị đơn về các tài sản khác, về chi phí thẩm định giá thị trường và chi phí giám định chữ ký, do nay bị đơn đã rút toàn bộ các yêu cầu kháng cáo, rút yêu cầu tranh chấp nên các phần này được giữ y theo bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

+ *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm đã thỏa thuận được với nhau về khoản tiền gửi sổ tiết kiệm 1.000.000.000 đồng tại NH TMCP PV nay bà C là người được hưởng toàn bộ, nên cần điều chỉnh lại tiền án phí dân sự sơ thẩm mà các bên phải chịu theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau:

Nguyên đơn phải chịu án phí về phần có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn đối với số tiền 150.000.000 đồng ($\frac{1}{2}$ tiền hợp đồng thuê nhà) là 7.500.000 đồng.

Bị đơn bà Lý Mỹ C phải chịu án phí đối với phần tài sản được nhận từ số tiền 1.000.000.000 đồng tiền gửi trong sổ tiết kiệm tại NH TMCP PV là 42.000.000 đồng (1).

Bị đơn bà Lý Mỹ C phải chịu án phí đối với các yêu cầu phản tố không được chấp nhận, cụ thể:

- Đối với yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, án phí phải chịu 300.000 đồng (2).

- Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị những dụng cụ trang thiết bị y tế cho phòng “Nha khoa N” với tổng giá trị là $2.200.000.000 \text{ đồng} / 2 = 1.100.000.000 \text{ đồng}$.

- Đối với yêu cầu chia đôi giá trị các vật dụng sinh hoạt gia đình có tổng giá trị là $310.000.000 \text{ đồng} / 2 = 155.000.000 \text{ đồng}$.

- Đối với yêu cầu chia đôi xe ô tô Audi biển số 65A - 00000 có giá trị theo giá bán của ông P là $420.000.000 \text{ đồng} / 2 = 210.000.000 \text{ đồng}$.

- Đối với yêu cầu chia đôi giá trị 02 căn nhà 89A và 63 đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ là tài sản đã được các bên thỏa thuận chia trong thời kỳ hôn nhân, các bên đã được cấp giấy chứng nhận QSH tài sản riêng và đã tính án phí đối với việc không chấp nhận hủy VBTTCTS nên phần này bị đơn không phải chịu án án do không được chấp nhận yêu cầu.

- Đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị phần thô và tài sản hoàn thiện trên đất trừ đi giá mua tài sản thô $1.500.000.000 \text{ đồng}$, tại phiên tòa thỏa thuận giá $12.000.000.000 \text{ đồng} - 1.500.000.000 \text{ đồng} = 10.500.000.000 \text{ đồng} / 2 = 5.250.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền phản tố có giá ngạch không được chấp nhận mà bị đơn bà C phải chịu án phí là 6.715.000.000 đồng, án phí tương ứng: $112.000.000 \text{ đồng} + (0,1\% \text{ phần vượt quá } 4 \text{ tỷ}) = 114.715.000 \text{ đồng}$ (3)

Như vậy, tổng án phí bị đơn bà Lý Mỹ C phải chịu là: (1) + (2) + (3) = 157.015.000 đồng án phí. Bà C đã nộp 34.432.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003123 ngày 07/10/2020 và 64.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003777 ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành

phố Cần Thơ được chuyển thành án phí, bị đơn bà C còn phải nộp tiếp số tiền 58.082.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ *Án phí phúc thẩm*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 33, 43, 45, 51, Điều 55, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa một phần án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm giữa nguyên đơn ông Đỗ Châu Minh Duy P và bị đơn bà Lý Mỹ C về số tiền trong sổ tiết kiệm, số tài khoản: LD2015126453, số Seri: 2220144 mở ngày 30/5/2020 với số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tại NH TMCP PV (là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Đỗ Châu Minh Duy P và bà Lý Mỹ C). Ông P đồng ý giao cho bà C được toàn quyền sở hữu số tiền gốc và lãi phát sinh trong sổ tiết kiệm này, ông P có trách nhiệm giao lại sổ tiết kiệm nêu trên cho bà C.

2. Đình chỉ toàn bộ các yêu cầu kháng cáo khác của bị đơn bà Lý Mỹ C (do tại phiên tòa phúc thẩm bà C đã rút kháng cáo).

3. Giữ nguyên các phần sau của bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2022/HNGĐ-ST ngày 18/7/2022 của Tòa án nhân dân quận N:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn ông Đỗ Châu Minh Duy P và bị đơn bà Lý Mỹ C.

* *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Đỗ Phúc Ng (nam) sinh ngày 08/8/2013 cho ông Đỗ Châu Minh Duy P trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn bà Lý Mỹ C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà Lý Mỹ C không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên cũng có quyền

làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

** Về tài sản chung:*

- Ghi nhận việc ông Đỗ Châu Minh Duy P đồng ý giao lại cho bà Lý Mỹ C số tiền 150.000.000 đồng – tiền đặt cọc cho thuê căn nhà 89A đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Bà C nhận số tiền 150.000.000 đồng từ ông P thì bà C phải có trách nhiệm đối với phần tiền đặt cọc theo Hợp đồng thuê nhà ký ngày 04/11/2016 tại VPCC N, số công chứng 752, quyển số 04/2016/TP/CC-SCC/HĐGD với ông Lê Chí T.

- Ghi nhận sự thống nhất của ông Đỗ Châu Minh Duy P về việc tự nguyện giao lại các vật dụng sinh hoạt gia đình và vật dụng cá nhân của bà Lý Mỹ C. Ông P có trách nhiệm tạo điều kiện cho bà C được di dời các vật dụng này.

** Không chấp nhận các yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lý Mỹ C đối với nguyên đơn ông Đỗ Châu Minh Duy P về việc:*

- Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị những dụng cụ trang thiết bị y tế cho phòng “Nha khoa N”.

- Yêu cầu chia đôi xe ô tô Audi biển số 65A - 00000.

- Yêu cầu chia đôi giá trị các vật dụng sinh hoạt gia đình.

- Yêu cầu hủy Văn bản thỏa thuận chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

- Yêu cầu chia đôi giá trị 02 căn nhà 89A và 63 đường V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất tọa lạc tại thửa đất số 772, tờ bản đồ số 5 – KDC, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ theo GCNQSDĐQSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 191369 (số vào sổ cấp GCN: CH01126) cấp ngày 03/4/2014.

** Về chi phí tố tụng (thẩm định giá thị trường và chi phí giám định chữ ký):*
Chi phí thẩm định giá thị trường là 110.000.000 đồng và chi phí giám định chữ ký là 5.000.000 đồng bị đơn bà C phải chịu. Bị đơn bà C đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 140.000.000 đồng, chuyển 115.000.000 đồng thành chi phí tố tụng, bà C được nhận là 25.000.000 đồng, bà C đã nhận xong.

4. Về án phí:

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nguyên đơn ông P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002960 ngày 21/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ được chuyển thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông P đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu án phí về phần có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn đối với số tiền 150.000.000 đồng ($\frac{1}{2}$ tiền hợp đồng thuê nhà) là 7.500.000 đồng.

Tổng án phí dân sự sơ thẩm bị đơn bà Lý Mỹ C phải chịu là 157.015.000 đồng án phí. Bà C đã nộp 34.432.500 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003123 ngày 07/10/2020 và 64.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 003777 ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ được chuyển thành án phí, bị đơn bà C còn phải nộp tiếp 58.082.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Lý Mỹ C phải chịu là 300.000 đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000903 ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N thành án phí. Bà C đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Q. Ninh Kiều;
- VKSND TP. Cần Thơ ;
- Chi cục THA Q. Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trương Thị Liên

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Bích Hải

Nguyễn Thị Trang Thư

Trương Thị Liên